

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan;
2. Ông Nguyễn Đình Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Đỗ Minh T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/5/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau từ năm 2012.

Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn nhưng đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 203/2013/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhưng sau đó kết hôn lại vào ngày 05/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống chung không hợp, vợ chồng thường xuyên gây gổ, xảy ra nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng trong quan điểm sống, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà T thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 02 con chung tên Đỗ Hồng Khánh B, sinh ngày 12/9/2012 và Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con chung Đỗ Hồng Khánh B, sinh ngày 12/9/2012 đã được giải quyết theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 203/2013/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Dầu tiếng, tỉnh Bình Dương nên không yêu cầu xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà T cung cấp gồm: Đơn xin ly hôn ngày 09/5/2022; bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu nguyên đơn; bản sao giấy khai sinh của con chung tên Đỗ Hồng Khánh B, sinh ngày 12/9/2012 và Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021; bản chính giấy chứng nhận kết hôn của bà T và ông T1, bản tự khai của bà T.

* *Bị đơn ông Đỗ Minh T1*: Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn xin vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt

không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Đỗ Minh T1, ông T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Bà T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, gây gổ, bất đồng quan điểm sống. Bà Thúy xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn, nguyên đơn bà T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều không tham gia tố tụng. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không có nguyện vọng đoàn tụ cùng nguyên

đơn. Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 tại nơi cư trú cho thấy bà T và ông T1 không còn sống chung với nhau từ năm 2022. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên giữa bà T và ông T1 không còn chung sống với nhau, từ những phân tích trên nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng như vậy lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Đỗ Hồng Khánh B, sinh ngày 12/9/2012 và Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con chung Đỗ Hồng Khánh B, sinh ngày 12/9/2012 đã được giải quyết theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 203/2013/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Dầu tiếng, tỉnh Bình Dương nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về vấn đề này cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì khác cháu Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021 hiện còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), đang do mẹ nuôi dưỡng; để đảm bảo ổn định về tâm lý cũng như cuộc sống của cháu K, căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Đỗ Hồng Khánh B, sinh ngày 12/9/2012 đã được giải quyết theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 203/2013/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Dầu tiếng, tỉnh Bình Dương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân.

- Các Điều 9, 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Hồ Thị Thanh T đối với ông Đỗ Minh T1.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thanh T ly hôn với ông Đỗ Minh T1.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Vũ K, sinh ngày 05/01/2021 cho bà Hồ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Thanh T về việc không yêu cầu ông Đỗ Minh T1 cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Đỗ Hồng Khánh B, sinh ngày 12/9/2012 đã được giải quyết theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 203/2013/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không xem xét giải quyết.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Thanh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà Hồ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007503 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huân Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Vũ Anh Tuấn

